

XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HỖ TRỢ DẠY HỌC NỘI DUNG DINH DƯỠNG Ở NGƯỜI TRONG MÔN KHOA HỌC 4 (CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN KHOA HỌC 2018)

Phạm Phương Anh và Bùi Lê Anh Phương*

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt. Dinh dưỡng đóng một vai trò quan trọng đối với sức khỏe và sự phát triển của con người. Việc thực hiện giáo dục dinh dưỡng cho người dân nói chung và học sinh tiểu học nói riêng là vấn đề được các nhà lãnh đạo và các nhà giáo dục quan tâm. Bài báo này đề cập đến việc xây dựng dựng hoạt động trải nghiệm hỗ trợ dạy học nội dung Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4. Qua đó, tạo nguồn tài liệu tham khảo hỗ trợ GV xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học nói riêng và các môn học khác nói chung, góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực cho người học.

Từ khóa: giáo dục dinh dưỡng, hoạt động trải nghiệm, dinh dưỡng ở người, môn Khoa học lớp 4.

1. Mở đầu

Có thể nói dinh dưỡng đóng một vai trò quan trọng đối với sức khỏe, sự phát triển của con người. Đối với các nước phát triển, giáo dục dinh dưỡng (GDDD) cho người dân nói chung và học sinh tiểu học (HSTH) nói riêng là vấn đề được các nhà lãnh đạo, các nhà giáo dục quan tâm [1], [2], [3]. Ở Việt Nam với chương trình cấp tiểu học, GDDD không được dạy như một môn học riêng mà được lồng ghép, tích hợp vào nội dung các môn học, đặc biệt là môn Khoa học 4 với nội dung Dinh dưỡng ở người thuộc chủ đề Con người và sức khỏe được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học 2018 [4].

Dinh dưỡng ở người là nội dung có mối liên hệ chặt chẽ thực tiễn đời sống của HS, là những trải nghiệm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của HS. Vì thế, việc tổ chức các hoạt động dạy học trải nghiệm khai thác những hiểu biết, vốn sống của HS không những tạo điều kiện để HS khám phá, tự tìm ra được các kiến thức khoa học dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng và thói quen thực hiện ăn uống cân bằng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng ngày... mà còn góp phần tạo cơ hội cho HS rèn luyện, phát triển năng lực khoa học tự nhiên và các phẩm chất, năng lực khác được đưa ra trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 [5].

Từ những lí do trên, bài viết giới thiệu quá trình xây dựng các HĐTN nhằm hỗ trợ dạy học nội dung Dinh dưỡng ở người môn Khoa học 4, góp phần cung cấp nguồn tài nguyên tham khảo hỗ trợ giáo viên (GV) xây dựng và tổ chức HĐTN trong dạy học môn Khoa học cũng như các môn học khác cho HSTH.

Ngày nhận bài: 21/2/2021. Ngày sửa bài: 29/2/2021. Ngày nhận đăng: 10/3/2021.

Tác giả liên hệ: Bùi Lê Anh Phương. Địa chỉ e-mail: anhphuong250599@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Dinh dưỡng ở người

Dinh dưỡng ở người là quá trình hấp thụ, vận chuyển, sử dụng các chất dinh dưỡng cần thiết và bài tiết các chất thải cho cấu tạo và hoạt động của cơ thể người [6], [7].

2.1.2. Giáo dục dinh dưỡng

GDDD là biện pháp can thiệp nhằm thay đổi những thói quen và các hành vi liên quan đến chế độ ăn uống, sinh hoạt hằng ngày nhằm cải thiện tình trạng sức khỏe của con người.

2.1.3. Hoạt động trải nghiệm

HĐTN là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS khai thác những kinh nghiệm đã có để thực hiện những nhiệm vụ được giao. Qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức, kỹ năng mới một cách chủ động, giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết [8], [9].

HĐTN có thể được triển khai thông qua các phương thức: Khám phá; Thử nghiệm, tương tác; Công hiến; Nghiên cứu [8].

2.2. Các nội dung về Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4 cần tổ chức dạy cho học sinh tiểu học

Để thực hiện GDDD hiệu quả, chúng tôi đã tiến hành phân tích các nội dung và yêu cầu cần đạt của nội dung Dinh dưỡng ở người trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học 2018 đồng thời thực hiện khảo sát xin ý kiến của 109 GV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh về những nội dung GDDD cần thiết cho HSTH. Từ đó, chúng tôi xác định được 4 nội dung học tập cơ bản, cần thiết về Dinh dưỡng ở người như sau: 1. Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn; 2. Phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng; 3. Chế độ ăn uống cân bằng; 4. Vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.3. Xây dựng các hoạt động trải nghiệm hỗ trợ dạy học nội dung Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4

2.3.1. Căn cứ xây dựng

Đề tài xây dựng các hoạt động trên cơ sở tôn trọng đặc điểm phát triển tâm sinh lý của HS lớp Bốn. Các hoạt động đa dạng về phương thức, hình thức trải nghiệm và thống nhất với những yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của nội dung Dinh dưỡng ở người trong chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học 2018.

2.3.2. Nguyên tắc xây dựng

Các hoạt động được xây dựng trên 4 nguyên tắc: 1. Bảo đảm thực hiện mục tiêu nội dung Dinh dưỡng ở người và định hướng phát triển năng lực chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học 4 năm 2018; 2. Bảo đảm khai thác tối đa vốn kinh nghiệm của học sinh về nội dung dạy học; 3. Bảo đảm huy động tối đa các giác quan của học sinh vào quá trình học tập; 4. Đảm bảo vai trò tổ chức, hướng dẫn chủ đạo của giáo viên và vai trò chủ động tích cực tham gia hoạt động của học sinh.

2.3.3. Quy trình xây dựng các hoạt động trải nghiệm

Để có thể xây dựng các HĐTN hỗ trợ dạy học nội dung Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4, chúng tôi đã tiến hành qua 6 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Nghiên cứu các tài liệu về bản chất, đặc điểm và cách thức xây dựng HĐTN.

Giai đoạn 2: Phân tích nội dung, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của nội dung Dinh dưỡng ở người trong chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học 2018.

Giai đoạn 3: Khảo sát xin ý kiến GV và HS về thực trạng GDDD.

Giai đoạn 4: Tiến hành xây dựng HĐTN.

Chúng tôi tiến hành xây dựng các HĐTN với cấu trúc gồm 7 nội dung như sau:

1. Tên hoạt động

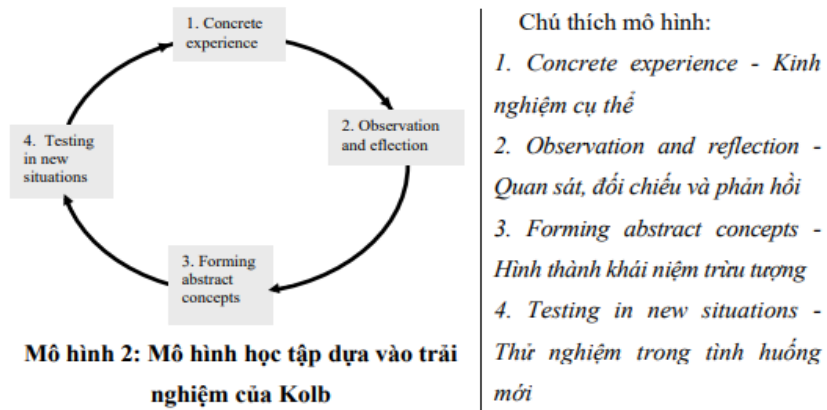
2. Mục tiêu của hoạt động

3. Phương thức và hình thức trải nghiệm của hoạt động

4. Chuẩn bị cho hoạt động: Dự kiến thời gian, địa điểm và đồ dùng dạy học.

5. Tiến trình tổ chức hoạt động

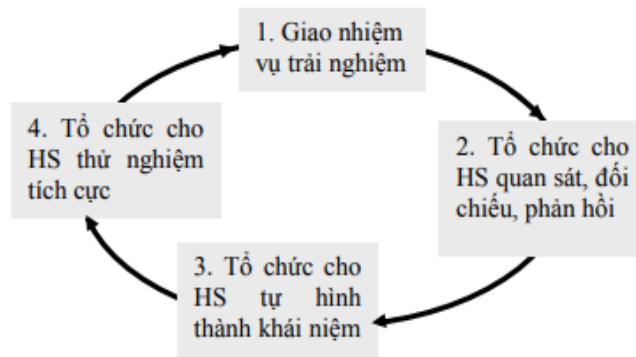
Năm 1984, David Kolb, một nhà lý luận giáo dục Hoa Kỳ, đã nghiên cứu và đưa ra mô hình học tập dựa vào trải nghiệm bao gồm bốn giai đoạn [10]:



Hình 1. Mô hình học tập dựa vào trải nghiệm của Kolb

Ở Việt Nam, đã có nhiều tác giả đã nghiên cứu và vận dụng mô hình trải nghiệm của bốn bước của David Kolb để xây dựng các tiến trình tổ chức trải nghiệm cho người học [9], [11], [12], [13]. Tùy theo góc độ nghiên cứu mà các tác giả đã vận dụng phù hợp với vào quá trình tổ chức HĐTN cho người học nhằm giúp người học đạt kết quả tốt nhất. Dựa trên nghiên cứu tác giả Võ Trung Minh (2015), đề tài tiến hành tổ chức các HĐTN theo 4 bước như sau:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ trải nghiệm
- Bước 2: Tổ chức cho HS quan sát, đối chiếu, phân hồi
- Bước 3: Tổ chức cho HS tự hình thành khái niệm
- Bước 4: Tổ chức cho HS thử nghiệm tích cực



Hình 2. Sơ đồ tiến trình tổ chức hoạt động trải nghiệm hỗ trợ dạy học nội dung Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4

Bước 1: Giao nhiệm vụ trải nghiệm

Yêu cầu: Cần đảm bảo khai thác tối đa vốn kinh nghiệm và các giác quan của HS; đảm bảo tất cả HS đều nắm rõ nhiệm vụ, yêu cầu trước khi bắt đầu hoạt động.

Bước 2: Tổ chức cho HS quan sát, đối chiếu, phản hồi

Yêu cầu: GV cần bao quát lớp, kịp thời điều chỉnh để đảm bảo tất cả HS đều hoạt động.

Bước 3: Tổ chức cho HS tự hình thành khái niệm

Yêu cầu: GV cần đảm bảo tổ chức cho HS thảo luận, phân tích về các kinh nghiệm HS đã tự rút ra được sau trải nghiệm.

Bước 4: Tổ chức cho HS thử nghiệm tích cực

Giai đoạn này thường diễn ra dưới các hình thức luyện tập, thực hành nhằm vận dụng những kiến thức, kĩ năng HS đã rút ra được qua trải nghiệm để giải quyết các vấn đề với mức độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp...

6. Dự kiến sản phẩm của HS sau hoạt động

Ở mỗi hoạt động, GV cần dự kiến sản phẩm của HS dựa vào mục tiêu, nội dung và các nhiệm vụ của hoạt động đó.

7. Dự kiến tiêu chí đánh giá HS sau hoạt động

Dựa vào Thông tư 27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2020 về quy định đánh giá học sinh tiểu học [14] cùng mục tiêu hoạt động và các mức độ biểu hiện về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS thông qua quá trình và sản phẩm hoạt động, chúng tôi phân loại kết quả hoạt động thành 3 mức độ là: Hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành.

Giai đoạn 5: Mời GV đánh giá các HĐTN đã xây dựng. Từ đó chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với thực tế dạy học.

Giai đoạn 6: Thử nghiệm các HĐTN đã xây dựng.

Giai đoạn 7: Phân tích quá trình, kết quả thử nghiệm. Từ đó chỉnh sửa, hoàn thiện các HĐTN đã xây dựng.

2.3.4. Ví dụ minh họa về cấu trúc hoạt động trải nghiệm

Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ đưa ra một ví dụ minh họa về việc xây dựng HĐTN dạy học nội dung Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn. Hoạt động bao gồm 7 nội dung đã giới thiệu ở mục 2.3.3, cụ thể:

1. Tên hoạt động: Trò chơi: “Nhóm nào? Nhóm nào?”

2. Mục tiêu:

Hoạt động góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất và năng lực sau:

2.1. Năng lực:

2.1.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ phân loại thức ăn theo nhóm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phân loại thức ăn theo các nhóm chất dinh dưỡng và thuyết trình cho cả lớp nghe về kết quả làm việc nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trình bày, thuyết trình cách phân loại thức ăn theo nhóm dưới dạng hình vẽ, sơ đồ... trên giấy A3.

2.1.2. Năng lực đặc thù:

- Phân loại được thức ăn theo các nhóm chất dinh dưỡng.

2.2. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm: Hoàn thành yêu cầu phân loại thức ăn theo nhóm.

3. Phương thức và hình thức tổ chức trải nghiệm:

3.1. Phương thức: Phương thức Thê nghiệm, tương tác: Trò chơi, thảo luận nhóm, thuyết trình.

3.2. Hình thức:

- Hoạt động theo nhóm.
- Có thể hoạt động trong lớp học hoặc ngoài lớp học.

4. Chuẩn bị

4.1. Thời gian: 15 phút.

4.2. Địa điểm: Có thể tổ chức ở lớp học hoặc trong bếp ăn của trường.

4.3. Đồ dùng dạy học: Thẻ hình ảnh các thức ăn, hình ảnh món mì Ý.

5. Tiến trình tổ chức hoạt động

❖ **Bước 1:** Giao nhiệm vụ trải nghiệm:

- GV chia lớp thành nhóm 4.
- GV phát cho một nhóm một bộ thẻ gồm các hình ảnh: mì, thịt bò, cà rốt, chuối, trứng, cam, thịt gà, sữa, sô-cô-la, khoai tây, tôm, bắp, cà chua, dầu, mỡ heo, bơ, rau muống, cá.
- GV phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A3.
- GV phổ biến luật trò chơi “Nhóm nào? Nhóm nào?”: Các nhóm hãy thảo luận và phân loại các loại thức ăn sau theo nhóm dựa vào lượng các chất dinh dưỡng chứa trong thức ăn! Nhóm nào hoàn thành chính xác nhất trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng.

❖ **Bước 2:** Tổ chức cho HS quan sát, đối chiếu, phân hồi:

- GV hỏi lại: Dựa vào lượng chất dinh dưỡng chứa trong thức ăn, người ta chia thức ăn thành mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?
- GV mời 1 HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét.
- GV nhận xét.
- GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi.

❖ **Bước 3:** Tổ chức cho HS tự hình thành khái niệm:

- GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình trước lớp.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV điều chỉnh, kết luận.
- GV công bố nhóm chiến thắng.

❖ **Bước 4:** Thử nghiệm tích cực:

- GV giới thiệu hình ảnh món mì Ý.
- GV hỏi: Món ăn này cung cấp các chất dinh dưỡng nào?
- GV mời 2 đến 3 HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét.
- GV hỏi: Món mì Ý cung cấp chất bột đường từ mì, chất đạm từ thịt bò, chất béo từ dầu, vi-ta-min A và C từ cà chua, chất xơ từ hành, rau... Vậy, một món ăn có thể cung cấp được bao nhiêu chất dinh dưỡng cho cơ thể?
- GV mời 2 đến 3 HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét.
- GV kết luận: Như vậy, một món ăn có thể cung cấp được nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể.

6. Dự kiến sản phẩm của HS

- Bảng phân loại thức ăn trên giấy A3 theo nhóm 4 ở bước 3: Nhóm chất bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vi-ta-min, chất xơ và chất khoáng.

- Câu trả lời của HS về các chất dinh dưỡng món mì Ý có thể cung cấp ở bước 4: Món mì Ý cung cấp chất bột đường từ mì, chất đạm từ thịt bò, chất béo từ dầu, vi-ta-min A và C từ cà chua, chất xơ từ hành, rau...

- Câu trả lời của HS về lượng chất dinh dưỡng một món ăn có thể cung cấp ở bước 4: Một món thức ăn có thể cung cấp nhiều chất dinh dưỡng.

7. Dự kiến tiêu chí đánh giá

- Hoàn thành tốt:

+ HS phân loại được chính xác tất cả thức ăn theo các nhóm chất dinh dưỡng.

+ HS trả lời được một món ăn có thể cung cấp được nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể và đưa ra thêm được ví dụ.

- Hoàn thành:

+ HS phân loại chính xác ít nhất được 12 loại thức ăn theo các nhóm chất dinh dưỡng.

+ HS trả lời được một món ăn có thể cung cấp được nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể.

- Chưa hoàn thành:

+ HS chưa phân loại chính xác ít nhất được 12 loại thức ăn nào theo các nhóm chất dinh dưỡng.

+ HS chưa trả lời được việc một món ăn có thể cung cấp được nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể.

2.4. Kết quả

2.4.1. Bộ hoạt động trải nghiệm đề tài đã xây dựng

Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng về mức độ ưu tiên của GV trong việc sử dụng phương thức tổ chức HĐTN để dạy học các nội dung về dinh dưỡng ở người, đề tài đã xây dựng được 15 HĐTN như sau:

Bảng 1. Bộ hoạt động trải nghiệm đề tài đã xây dựng

Nội dung	Số lượng hoạt động trải nghiệm	Phương thức tổ chức hoạt động chủ yếu				Dự kiến thời gian thực hiện
		Khám phá	Thử nghiệm, tương tác	Cống hiến	Nghiên cứu	
Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn	3		1		2	2 tiết
Phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	3		2	1		3 tiết
Chế độ ăn uống cân bằng	5	1	3		1	3 tiết
Vệ sinh an toàn thực phẩm	4	2	1		1	2 tiết
Tổng	15	3	7	1	4	10 tiết

Từ Bảng 1, có thể thấy trong 15 HĐTN đã xây dựng, có 7/15 hoạt động (46,67%) được tổ chức chủ yếu theo phương thức Thử nghiệm, tương tác; 4/15 hoạt động (26,67%) được triển khai theo phương thức Nghiên cứu; 3/15 hoạt động (20%) được xây dựng với phương thức Khám phá và có 1/15 hoạt động (6,67%) được xây dựng chủ yếu theo phương thức Công hiến. Theo khảo sát, hai phương thức Khám phá và Công hiến được các GV sử dụng ít hơn các phương thức khác. Một số GV cho biết: Do giới hạn về thời gian, địa điểm tổ chức học tập cũng như việc đảm bảo an toàn cho HS nên GV khó có thể sử dụng hai phương thức này để tổ chức trải nghiệm.

Với 15 HĐTN được xây dựng để hỗ trợ dạy học 4 nội dung chủ yếu về Dinh dưỡng ở người, GV có thể được tổ chức dạy trong 10 tiết, phù hợp với thời lượng được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học 2018 (21% thời lượng dành cho chủ đề Con người và sức khỏe ở lớp 4 tương đương 14 tiết, trong đó nội dung Dinh dưỡng ở người chiếm khoảng 10 tiết và các nội dung khác chiếm khoảng 4 tiết).

2.4.2. Đánh giá của GV và HS về các hoạt động trải nghiệm đề tài đã xây dựng

2.4.2.1. Đánh giá của GV

Tác giả đã mời 10 GV (bao gồm GV chủ nhiệm lớp 4/X của Trường Tiểu học PCT, quận Tân Phú, TPHCM – nơi đề tài tổ chức thử nghiệm) tiến hành phân tích và đánh giá các HĐTN đề tài đã xây dựng và thu được kết quả được thể hiện ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Đánh giá của GV về các hoạt động trải nghiệm đề tài đã xây dựng

Nội dung đánh giá	Số lượng	Phần trăm
Các HĐTN được xây dựng phù hợp để đáp ứng với mục tiêu, nội dung môn học đề ra.	10/10	100%
Các HĐTN được xây dựng phù hợp với mức độ nhận thức và khả năng của HS lớp Bốn.	10/10	100%
Các HĐTN được xây dựng góp phần giúp HS hình thành và rèn luyện các năng lực, phẩm chất chung theo định hướng chương trình 2018.	10/10	100%

Từ kết quả của bảng trên, có thể thấy 100% GV đã đánh giá các HĐTN đề tài đã xây dựng phù hợp để đáp ứng với mục tiêu nội dung môn học đề ra, phù hợp với mức độ nhận thức và khả năng của HS lớp Bốn và có khả năng góp phần giúp HS hình thành và rèn luyện các phẩm chất, năng lực chung của chương trình 2018.

2.4.2.2. Đánh giá của HS

Tác giả đã thực hiện khảo sát về ý kiến 46 HS của lớp 4/X đã tham gia các HĐTN đề tài đã xây dựng đối với các hoạt động này. Kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 3:

Bảng 3. Ý kiến của HS về các hoạt động trải nghiệm đã tham gia

	Nội dung	Số lượng	Phần trăm
Thuận lợi	Hoạt động thú vị khiến em rất muốn tham gia	40/46	86,96%
	Có các kiến thức, kĩ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ	37/46	80,43%
	Được hoạt động, được bày tỏ ý kiến, thể hiện sự sáng tạo của bản thân	40/46	86,96%
Khó khăn	Các nhiệm vụ khó hiểu	6/46	13,04%
	Chưa có đủ các kiến thức, kĩ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ	9/46	19,57%
	Các hoạt động khiến em mau chóng mệt mỏi	15/46	32,61%

Từ Bảng 3, có thể thấy hơn 86,69% HS bày tỏ rằng các HĐTN rất thú vị và tạo cơ hội cho HS được hoạt động, được bày tỏ ý kiến và thể hiện sự sáng tạo của bản thân; 80,43% HS tự đánh giá bản thân đã có các kiến thức, kĩ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ của các hoạt động. Khoảng 13,04% HS chưa hiểu được các yêu cầu hoạt động đưa ra; 19,57% tự đánh giá bản thân chưa có đủ các kiến thức, kĩ năng cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ của hoạt động và có hơn 32% HS chia sẻ rằng việc tham gia các HĐTN khiến các em cảm thấy mau chóng mệt mỏi.

Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn này có thể được giải thích thông qua kết quả khảo sát thực trạng về các loại hình hoạt động HS thường được tham gia trong môn Khoa học: Hơn 55% HS cho biết phần lớn hoạt động các em tham gia chủ yếu xoay quanh SGK, tranh ảnh... Là hai hoạt động thuận tiện cho GV có thể tổ chức trong nhiều tiết học nhưng lại hạn chế mức độ được suy nghĩ, vận động, trao đổi... của HS. nên khi được tham gia các hoạt động đòi hỏi có sự suy nghĩ, vận động thì nhiều HS cảm thấy chưa quen và nhanh chóng cảm thấy mệt mỏi.

2.5. Thử nghiệm và đánh giá kết quả đạt được

2.5.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm thử nghiệm

Đối tượng: 46 HS thuộc lớp 4/X đang học tại Trường Tiểu học PCT, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (46 HS này đã tham gia cho ý kiến về khảo sát thực trạng GDDD).

Thời gian: Tiến hành trong học kì 2, năm học 2020 – 2021 (tháng 01/2021)

Địa điểm: Lớp 4/X Trường tiểu học PCT, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5.2. Quy trình thử nghiệm

Quy trình thử nghiệm được thực hiện qua 4 giai đoạn cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị thử nghiệm

Xác định mục đích, đối tượng, thời gian, địa điểm, nội dung thử nghiệm và lập kế hoạch tổ chức thử nghiệm.

Giai đoạn 2: Triển khai thử nghiệm

Kiểm tra mức độ hình thành và phát triển về năng lực và phẩm chất của HS đối với các vấn đề liên quan đến nội dung Dinh dưỡng ở người trước khi trải nghiệm thông qua bài kiểm tra. Sau đó, tổ chức triển khai các HĐTN theo kế hoạch.

Giai đoạn 3: Khảo sát kết quả sau thử nghiệm

Kiểm tra mức độ hình thành và phát triển về năng lực và phẩm chất của HS đối với các vấn đề liên quan đến nội dung Dinh dưỡng ở người HS đạt được sau khi trải nghiệm thông qua bài kiểm tra.

Giai đoạn 4: Phân tích và đánh giá kết quả thử nghiệm

Mô tả thực trạng mức độ hình thành phát triển về năng lực và phẩm chất của HS trước, trong và sau quá trình thử nghiệm thông qua việc xử lý và phân tích các kết quả khảo sát. Cuối cùng, kết luận về tính khả thi và hiệu quả của HĐTN mà đề tài đã xây dựng.

2.5.3. Xác định chuẩn và thang đánh giá kết quả thử nghiệm

Dựa vào Thông tư 27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2020 về quy định đánh giá học sinh tiểu học và thực tế phân loại kết bài kiểm tra định kỳ ở các trường tiểu học hiện nay, chúng tôi phân loại kết quả bài kiểm tra trước thử nghiệm, sau thử nghiệm và các bài kiểm tra các nội dung trong quá trình dạy thử nghiệm thành 3 mức độ: Hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành.

2.4.4. Kết quả thử nghiệm

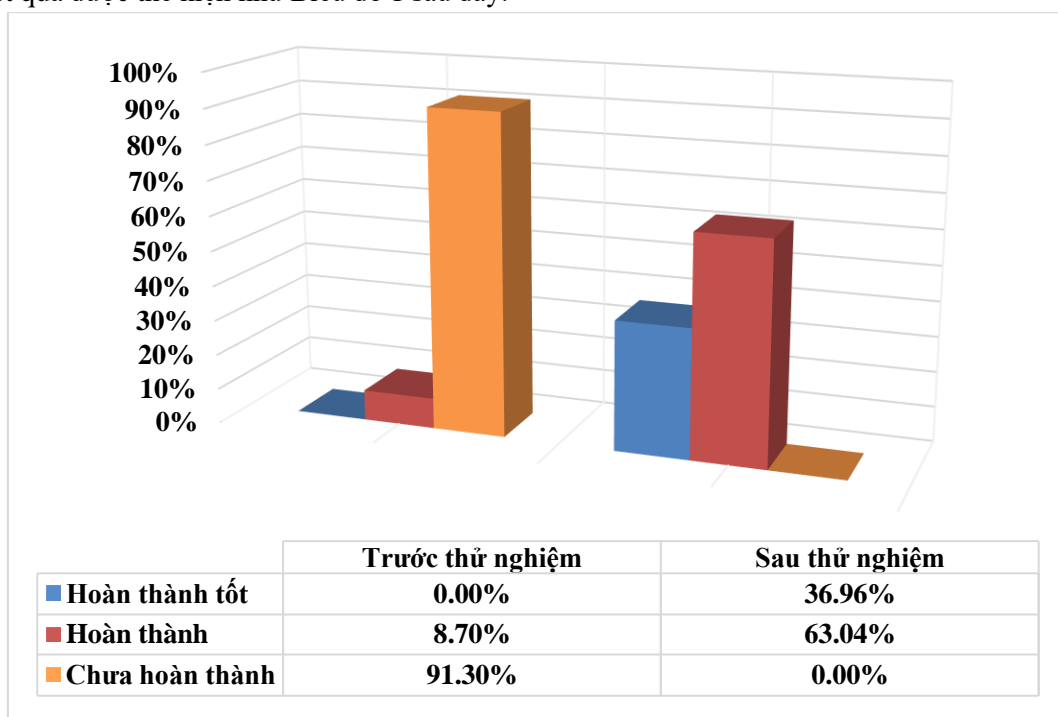
Bảng 4. Kết quả các bài kiểm tra các nội dung trong quá dạy thử nghiệm

Nội dung	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn	31	67,39%	15	32,61%	0	0,00%

Phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	27	58,70%	19	41,30%	0	0,00%
Chế độ ăn uống cân bằng	24	52,17%	22	47,83%	0	0,00%
Vệ sinh an toàn thực phẩm	28	60,87%	18	39,13%	0	0,00%

Nhằm theo dõi tình trạng học tập nội dung Dinh dưỡng ở người của HS cũng như đánh giá hiệu quả của các HĐTN đề tài đã xây dựng, sau mỗi nội dung học tập, chúng tôi đều cho HS thực hiện một bài kiểm tra nhằm đánh giá mức độ tiếp thu các nội dung học tập của HS và thu được kết quả như Bảng 4.

Trước khi thử nghiệm và sau khi thử nghiệm các HĐTN, chúng tôi tổ chức cho HS của lớp làm bài kiểm tra. Mỗi bài 40 phút bao gồm các câu hỏi được xây dựng theo 3 mức: nhận biết, kết nối và vận dụng theo Thông tư 27 [14] dùng để đánh giá quá trình hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất của HS ở 4 nội dung cơ bản về Dinh dưỡng ở người đã nêu ở mục 2.2 trên. Kết quả được thể hiện như Biểu đồ 1 sau đây:



Biểu đồ 1. Kết quả thực hiện bài kiểm tra trước thử nghiệm và sau thử nghiệm

Từ Biểu đồ 1, có thể thấy trước khi thử nghiệm, có đến 91,30% HS chưa hoàn thành được bài kiểm tra và chỉ có 8,7% HS hoàn thành yêu cầu của bài điểm tra.

Lý do dẫn đến kết quả như trên cũng có thể được giải thích thông qua kết quả khảo sát thực trạng về các loại hình hoạt động HS thường được tham gia trong môn Khoa học: Hơn 55% HS chia sẻ hoạt động học tập trong môn Khoa học hiện nay chủ yếu là đọc SGK và xem tranh ảnh, video clip. Là những hoạt động mà phần lớn chỉ tác động đến thị giác bên ngoài chứ chưa tạo cơ hội cho HS được tư duy, tương tác và trải nghiệm đối với các nội dung được học nên chưa thể khắc sâu vào vào trí nhớ, cảm xúc của HS về bản chất, đặc điểm của các đối tượng khoa học được học.

Bên cạnh đó, khi phỏng vấn trực tiếp, một số em chia sẻ rằng: Trong các tiết học Khoa học, GV thường yêu cầu HS đọc nhanh các thông tin trong sách và đọc ghi nhớ rồi sau đó chuyển sang

học Toán, Tiếng Việt... để theo kịp bài các môn học đó nên sau đó một thời gian, HS khó có thể nhớ được bản thân đã được học những gì từ các bài học trong tiết Khoa học.

Từ kết quả trước thử nghiệm, đề tài đã xây dựng và triển khai dạy thử nghiệm các HĐTN mà khi tham gia vào, HS có cơ hội được hoạt động, được cảm nhận và trải nghiệm rõ hơn, sâu hơn về nội dung bài học. Qua quá trình hoạt động, HS tự tích lũy được những kiến thức, kinh nghiệm mới và tự khắc sâu hơn về bản chất và đặc điểm của các đối tượng khoa học đã cảm nhận và trải nghiệm.

Sau khi thử nghiệm tổ chức cho HS tham gia các HĐTN đã xây dựng, đã có gần 37% HS hoàn thành tốt bài kiểm tra và 63,04% HS hoàn thành được bài kiểm tra.

Điều này chứng tỏ việc tổ chức học tập nội dung Dinh dưỡng ở người trong môn Khoa học 4 thông qua HĐTN đã có tác động tích cực tới quá trình học tập của các em.

Như vậy, việc xây dựng các HĐTN đã góp phần giúp HS hoàn thành được mục tiêu của nội dung Dinh dưỡng ở người môn học là HS khám phá, lĩnh hội được khoa học dinh dưỡng, rèn luyện kỹ năng và thói quen thực hiện ăn uống cân bằng, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng ngày... Đồng thời góp phần tạo cơ hội cho HS rèn luyện, phát triển năng lực khoa học tự nhiên và các phẩm chất, năng lực khác được theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018.

3. Kết luận

HDTN là một hình thức tổ chức dạy học thiết thực và hiệu quả, không chỉ giúp HS đạt được các mục tiêu trong từng nội dung học tập cụ thể mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất, nâng cao chất lượng giáo dục ở các môn học nói chung và môn Khoa học với nội dung Dinh dưỡng ở người nói riêng.

Trên cơ sở những kiến thức và phương pháp đã nghiên cứu được, GV có thể vận dụng linh hoạt để xây dựng và tổ chức các HĐTN trong quá trình dạy học môn Khoa học cũng như các môn học khác để có thể nâng cao hiệu quả dạy học, từng bước tiếp cận và đáp ứng định hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] CBC News, 2015. *Food education the law in Japan*.
- [2] U.S. GAO, 2019. *NUTRITION EDUCATION: USDA Actions Needed to Assess Effectiveness, Coordinate Programs, and Leverage Expertise*, Report to Congressional Requesters, United States, p.39.
- [3] Nguyễn Minh Giang, 2012. *Chế độ dinh dưỡng học sinh bán trú trong một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Hoàng Phê, 2019. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- [7] William C. Shiel Jr, 2020. *Definition of nutrition*, <https://www.rxlist.com/nutrition/definition.htm>
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình Giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [9] Trần Thanh Dur, 2018. *Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tự nhiên và xã hội lớp ba tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [10] Kolb, D.A., 1984. *Experiential learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [11] Trần Thị Gái, 2017. “Vận dụng mô hình trải nghiệm của David Kolb để xây dựng chu trình hoạt động trải nghiệm trong dạy học sinh học ở trường phổ thông”. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, tập 33, số 3, tr 1-6.
- [12] Trần Thị Kim Cúc - Nguyễn Phan Lâm Quyên, 2017. “Phát triển năng lực dạy học theo hướng trải nghiệm cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Vinh, tập 46, số 3B, tr.20-28.
- [13] Võ Trung Minh, 2015. *Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học*. Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020. *Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*. Hà Nội.

ABSTRACT

Building experiential activities to support teaching the content of human nutrition in the Science Subject 4

Pham Phuong Anh va Bui Le Anh Phuong*

Primary Education Department, HCMC University of Education

Nutrition plays an important role in human health and development. The implementation of nutrition education for the people in general and primary school students in particular is a matter of great concern to leaders and educators. This article mentions the building experiential activities to support teaching the content of Human nutrition in the Science Subject in grade 4. Thereby, it supports teaching the content of Human nutrition in the Science Subject 4. Creating reference resources supporting teachers to build and organize experiential activities in teaching Science in particular and other subjects in general, contributing to the formation and development of students' qualities and capacities.

Keywords: nutrition education, experiential activities, human nutrition, Science Subject in grade 4.